

**BÁO CÁO**

**Sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW (khóa IX) phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020 và 05 năm thực hiện Chương trình hành động số 31-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy**

-----

**A. TÌNH HÌNH 05 NĂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 12-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 31-CTr/TU CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**I. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện**

Qua 5 năm thực hiện Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW (khóa IX) phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011-2020 và Chương trình hành động số 31-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 12-KL/TW, tỉnh Lâm Đồng đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Kinh tế tỉnh tiếp tục phát triển, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu đề ra. Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế gắn với 5 khâu đột phá<sup>1</sup>, phát huy lợi thế của địa phương đã tạo điều kiện cho các ngành: nông nghiệp, dịch vụ - du lịch, công nghiệp thủy điện, khai khoáng... phát triển. Đặc biệt, chương trình nông nghiệp công nghệ cao thúc đẩy nông nghiệp phát triển vượt bậc về năng suất, và chất lượng sản phẩm; tổng mức đầu tư toàn xã hội tăng khá; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được chú trọng đầu tư, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống nhân dân; diện mạo đô thị và nông thôn có nhiều khởi sắc; các lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, vận tải,... không ngừng mở rộng; các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ,... có nhiều chuyển biến tích cực; an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống Nhân dân được cải thiện rõ nét; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững...

**1. Các chỉ tiêu tổng hợp**

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm giai đoạn 2011 -2015 đạt 14,1% (giá ss 1994), năm 2016 đạt 7,93% (giá ss 2010).
- GRDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 45,61 triệu đồng, năm 2016 đạt 50 triệu đồng.
- Cơ cấu kinh tế năm 2015 nông lâm thủy chiếm 49,4%, công nghiệp - xây dựng chiếm 17,5%, dịch vụ chiếm 33,1%, năm 2016 nông lâm thủy chiếm 49,2%, công nghiệp - xây dựng chiếm 18,3%, dịch vụ chiếm 32,5%.
- Kim ngạch xuất khẩu năm 2015 đạt 409 triệu USD, năm 2016 đạt 455 triệu USD.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2015 đạt 5.934,8 tỷ đồng, tăng 8,6% so cùng kỳ; năm 2016 đạt 7.216 tỷ đồng, tăng 21,6% so với cùng kỳ.
- Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội năm 2015 đạt 18.083 tỷ đồng, chiếm 31%

<sup>1</sup> 05 khâu đột phá trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, NK 2011-2015: Phát triển đồng bộ hạ tầng KT-XH; Phát triển NNCNC; Phát triển dịch vụ du lịch CLC; Đào tạo nguồn nhân lực; Đẩy mạnh phát triển công nghiệp.

GRDP, năm 2016 đạt 23.000 tỷ đồng chiếm 36% GRDP.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2015 đạt 1,26%, năm 2016 đạt 1,26%; quy mô dân số năm 2015 đạt 1,276 triệu người, năm 2016 đạt 1,289 triệu người.

- Tỷ lệ hộ nghèo năm 2015 giảm 1% theo tiêu chí cũ (*riêng hộ đồng bào dân tộc thiểu số giảm 2,5%*), năm 2016 giảm 1,5% theo tiêu chí mới (*riêng hộ đồng bào dân tộc giảm 3%*).

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 38% năm 2015, đạt 42% năm 2016.

- Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 60,5% năm 2015, đạt 78,2% năm 2016; năm 2015 đạt 6,5 bác sỹ/vạn dân, năm 2016 đạt 6,9 bác sỹ/vạn dân.

- Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 45% năm 2015, đạt 73,3% năm 2016.

- Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân năm 2015 đạt 70%, năm 2016 đạt 72,55%.

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 52,5%, năm 2016 đạt 53,5%.

- Tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom và xử lý năm 2015 đạt 85%, năm 2016 đạt 85%.

- Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch năm 2015 đạt 65%, năm 2016 đạt 67%.

- Số xã cơ bản đạt 19/19 tiêu chí về nông thôn mới năm 2015 đạt 42 xã, năm 2016 đạt 60 xã (*51,28% tổng số xã*).

## **2. Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực**

### **2.1. Về phát triển kinh tế**

#### ***a) Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và quản lý tài nguyên***

##### ***- Công tác quy hoạch:***

Công tác quy hoạch đạt được nhiều kết quả, nhận thức và tầm nhìn quy hoạch từng bước nâng lên; đã có sự phối kết hợp với các Viện nghiên cứu, Trường Đại học, các đơn vị tư vấn trong nước và tranh thủ ý tưởng của chuyên gia nước ngoài trong quá trình xây dựng một số đồ án quy hoạch phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh. Nhiều đồ án quy hoạch quan trọng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (*2011 - 2015*); Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch xây dựng các huyện, thành phố; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu, như: nông nghiệp, công nghiệp, điện lực, giao thông vận tải, tài nguyên môi trường, thương mại, văn hóa, thể thao, du lịch, công nghệ thông tin,... Các quy hoạch được phê duyệt là cơ sở để các cấp, các ngành, các địa phương triển khai các dự án đầu tư và thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

##### ***- Công tác quản lý đất đai:***

Công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2011 - 2015 có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển, tạo thuận lợi cho triển khai các chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn. Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 của cấp tỉnh và huyện đã được phê duyệt; một số địa phương đã hoàn thành

quy hoạch sử dụng đất cấp xã. Công tác đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp và đất ở nông thôn, đất ở đô thị ... có nhiều cố gắng, đạt kết quả tích cực<sup>2</sup>. Thực hiện đo đạc bản đồ địa chính các loại của 147 xã, phường, thị trấn với diện tích 928.006 ha (*chiếm 95% tổng diện tích tự nhiên*). Hiện nay, đang tiếp tục hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của thành phố Đà Lạt và huyện Đức Trọng.

**- Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản:**

Hoàn thành cơ bản các nội dung về quy hoạch tài nguyên, khoáng sản; công tác quản lý nhà nước về khoáng sản được chú trọng; thanh tra, kiểm tra được tăng cường, kịp thời phát hiện - chấn chỉnh sai sót và xử lý nhiều vụ việc vi phạm, hạn chế thất thoát tài nguyên khoáng sản, hủy hoại môi trường sinh thái; giữ gìn an ninh trật tự tại các khu mỏ,...

**- Công tác quản lý môi trường sinh thái và biến đổi khí hậu**

Thực hiện có hiệu quả Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015; Kế hoạch hành động triển khai thực hiện chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; Chương trình hành động bảo tồn đa dạng sinh học giai đoạn 2008 - 2020 ... trên địa bàn tỉnh. Tại kỳ họp thứ 27 ngày 09/6/2015 của Ban Điều phối Chương trình con người và sinh quyền thế giới (*diễn ra tại thủ đô Paris, nước Cộng hòa Pháp*) thuộc UNESCO đã công nhận Khu dự trữ sinh quyển LangBiang là Khu dự trữ sinh quyển thế giới.

Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, việc vận hành hệ thống xử lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh được quan tâm, chú trọng. Đến năm 2016, tỷ lệ chất thải rắn được thu gom tại đô thị đạt 85%; tỷ lệ cư dân thành thị được cấp nước sạch đạt 67%, tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 86,6%.

**b) Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội**

Trong 5 năm qua, tỉnh đã tập trung nguồn lực đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; ưu tiên vốn cho các công trình trọng điểm, phòng chống thiên tai, quốc phòng - an ninh,... Nhiều công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương như: Cảng hàng không Liên Khương; Quốc lộ 27C, 721, 725; Thủy điện Đồng Nai 2, 3, 4 và 5; Tổ hợp Bauxit - Nhôm, Khu hành chính tập trung, Quảng trường Lâm Viên - Đà Lạt,... Nhiều công trình trọng điểm đang được tiếp tục thực hiện giai đoạn II như: Đường ĐT 721, 725; các khu công nghiệp Lộc Sơn và Phú Hội; Khu du lịch Hồ Tuyền Lâm; thủy lợi Đa Lạt; Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh Lâm Đồng,...

*Về giao thông đối ngoại:* Bộ Giao thông- Vận tải đã đưa vào khai thác sử dụng một số một số tuyến giao thông quan trọng<sup>3</sup>; nâng cấp một số tuyến đường tỉnh lên thành các tuyến quốc lộ như QL.28B, QL.27C; tiếp tục đầu tư tuyến QL.20 đoạn tránh TP Bảo Lộc, Bộ Quốc phòng tiếp tục đầu tư đường Trường Sơn Đông qua địa bàn tỉnh. Riêng dự án đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương là công trình

<sup>2</sup> Đến cuối năm 2016: đất ở nông thôn: đã cấp cho hộ gia đình, cá nhân trên 6.805 ha/122.100 giấy; đạt khoảng 93%; đất ở đô thị: đã cấp cho hộ gia đình, cá nhân trên 3.965 ha/71.722 giấy; đạt tỷ lệ khoảng 91%; đất phi nông nghiệp của tổ chức cấp được trên 24.800 ha; tỷ lệ đạt 89% (diện tích còn lại sử dụng vào mục đích công cộng chủ yếu là thủy lợi, thủy điện nên không cấp); đất lâm nghiệp: Diện tích theo hiện trạng 636.214 ha, đã cấp 592.688 ha đạt tỷ lệ 93%, diện tích đất lâm nghiệp còn lại đều đã được giao cho các đơn vị quản lý rừng. Tuy nhiên, trong phần diện tích này hiện có đất sản xuất nông nghiệp xen kẽ chưa xử lý, nên chưa cấp GCNQSDĐ.

<sup>3</sup> QL.20 đoạn Dầu Giây - Đà Lạt, QL.28 (đoạn tránh ngập thủy điện Đồng Nai 3 & 4), QL.27 (đoạn Phi Nôm - Eo Giố).

trọng điểm của tỉnh đã được Chính phủ thống nhất nguyên tắc phân đoạn, phân kỳ đầu tư và chủ trương thu xếp, huy động nguồn vốn để thực hiện dự án trong giai đoạn 2017 - 2020, đồng thời Bộ Giao thông- Vận tải dự kiến khởi công đoạn Dầu Giây - Tân Phú vào cuối năm 2017, đầu năm 2018.

*Về giao thông đối nội:* giai đoạn 2011 - 2015, tỉnh đã tập trung ưu tiên khoảng 2.366 tỷ đồng đầu tư phát triển hạ tầng giao thông (đạt 28% vốn đầu tư phát triển của tỉnh) để đầu tư 252 km đường tỉnh, đường đô thị và đường huyện.

*Về giao thông nông thôn:* Thực hiện phương thức “Nhân dân làm công trình, Nhà nước hỗ trợ vật tư”, giai đoạn 2011 - 2015 tỉnh đã đầu tư khoảng 2.018 km đường và 1.549 m cầu với tổng kinh phí 2.516 tỷ đồng, tỷ lệ cứng hoá đạt 66,42%. Đến nay, toàn tỉnh có 82/117 xã đạt tiêu chí về giao thông trong xây dựng nông thôn mới.

Tỉnh đã xây dựng 9/11 bến xe theo hình thức xã hội hóa với tổng vốn đầu tư 151 tỷ đồng; 06 trung tâm đào tạo và 02 trung tâm sát hạch GPLX; toàn tỉnh có 02 trung tâm đăng kiểm phương tiện tại TP. Đà Lạt và Bảo Lộc với 03 dây chuyền có năng lực kiểm định khoảng 27.000 lượt xe/năm.

*Về hạ tầng hàng không:* Cảng hàng không Liên Khương được Bộ Giao thông Vận tải đầu tư đạt cấp 4D theo tiêu chuẩn ICAO, có thể tiếp thu các loại tàu bay A320, A321, B737 và tương đương<sup>4</sup>. Tổng năng lực vận chuyển hành khách đến năm 2016 đạt khoảng 1,3 triệu lượt hành khách/năm.

Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 704/QĐ-TTg, ngày 12/5/2014, trên cơ sở đó tỉnh đã chỉ đạo triển khai lập quy hoạch chung các đô thị vệ tinh: Lạc Dương, Liên Nghĩa - Liên Khương, Fi Nôm - Thạnh Mỹ, D’Ran, Nam Ban, quy hoạch phân khu Khu trung tâm thành phố Đà Lạt và các khu vực dân cư cần chỉnh trang, phấn đấu đến năm 2020 Đà Lạt và vùng phụ cận cơ bản đủ tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương và hướng đến xây dựng đô thị thông minh.

### ***c) Đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn, nông nghiệp theo hướng bền vững***

#### ***- Đầu tư hạ tầng nông thôn, xây dựng nông thôn mới:***

Chương trình xây dựng NTM tạo sự đồng thuận và có sức lan tỏa cao trong các tầng lớp nhân dân toàn tỉnh và đạt nhiều kết quả tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo, nhất là hộ nghèo đồng bào DTTS giảm mạnh. Giai đoạn 2011 - 2015, có 117/117 xã được phê duyệt đề án quy hoạch chung và đề án nông thôn mới. Đến nay toàn tỉnh có 60 xã đạt 19/19 tiêu chí NTM (51,28% tổng số xã); bình quân đạt 16,61 tiêu chí /xã, không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí; huyện Đơn Dương được Thủ tướng Chính phủ công nhận là huyện nông thôn mới (2015), thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (100% số xã đạt chuẩn NTM).

Qua 05 năm thực hiện Chương trình (2011-2015), toàn tỉnh đã huy động 33.581 tỷ đồng cho xây dựng NTM, gồm: Nguồn vốn ngân sách 3.581 tỷ đồng (chiếm 10,66%), vốn dân đóng góp là 9.143 tỷ đồng (chiếm 27,23%), vốn huy động từ tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã là 4.615 tỷ đồng (chiếm 13,74%); Vốn tín dụng 16.242 tỷ đồng (chiếm 48,37%). Riêng năm 2016, tổng huy động nguồn

<sup>4</sup> Hiện nay, tại Cảng hàng không Liên Khương có 03 hãng hàng không khai thác là VietNam Airlines, Vietjet Air, Jetstar Pacific với tần suất bay 21 chuyến mỗi ngày các chuyến bay nội địa đi/đến 07 tỉnh/thành: thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Vinh, Huế. Từ cuối năm 2016, đầu năm 2017, mỗi tuần có 03 chuyến bay khứ hồi từ Vũ Hán (Trung Quốc) đến Đà Lạt và có một số chuyến bay không thường xuyên từ Singapore đến Cảng Hàng không Liên Khương.

lực để thực hiện chương trình là 5.641,7 tỷ đồng<sup>5</sup>.

**- *Phát triển cơ sở hạ tầng, quản lý khai thác thủy lợi, nước sạch:***

Giai đoạn 2011 - 2016, toàn tỉnh đã đầu tư 63 công trình thủy lợi bao gồm: 44 hồ chứa, 07 kênh tiêu, 02 trạm bơm và 05 kè; nâng tổng số công trình thủy lợi toàn tỉnh lên 426. Trong đó, nhiều công trình thủy lợi lớn, phục vụ sản xuất tại các vùng trọng điểm được tiếp tục đầu tư, nâng cấp<sup>6</sup>. Hệ thống kênh mương tiếp tục được kiên cố hoá. Tổng diện tích các loại cây trồng được chủ động tưới năm 2016 đạt 143.000 ha, đạt 59,3% so với diện tích gieo trồng cần tưới<sup>7</sup>. Đề án phát triển hệ thống ao hồ nhỏ được hỗ trợ phát triển nhằm khắc phục tình trạng thiếu nước sản xuất cho vùng cây công nghiệp trong mùa khô hạn với tổng vốn đầu tư khoảng 120 tỷ đồng nhằm tăng diện tích tưới lên 6.000 - 8000 ha. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và thiết bị tưới tiên tiến tiết kiệm nước, hạn chế nhu cầu dùng nước trong mùa khô hạn<sup>8</sup>. Công tác quản lý và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt được triển khai thực hiện khá tốt. Toàn tỉnh hiện có 242 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung<sup>9</sup>. Chú trọng việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; phối hợp và hướng dẫn các địa phương quản lý vận hành các công trình đảm bảo hiệu quả. Hiện nay, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 86,6% dân số nông thôn, trong đó hộ nghèo được cấp nước hợp vệ sinh đạt 35,4%. Tỷ lệ dân số được cấp nước đạt QC 02/BYT đạt 21,7%.

**d) *Tiếp tục phát huy thế mạnh về lâm nghiệp của tỉnh***

- Tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 đạt 18%/năm; riêng năm 2016 giảm 37,31% so với năm 2015 (*do thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên của Chính phủ và ngừng khai thác rừng trồng của UBND tỉnh*). Toàn tỉnh hiện có 598.997 ha đất lâm nghiệp<sup>10</sup>; diện tích rừng trồng 73.451 ha. Tổng diện tích giao khoán quản lý, bảo vệ rừng đến năm 2016 đạt 395.546 ha<sup>11</sup> (*cho 37 tập thể và 14.187 hộ ĐBDTTS, 4116 hộ người Kinh*).

- Đổi mới các công ty nông lâm nghiệp: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<sup>12</sup>, tỉnh đã xây dựng phương án, tiến hành sắp xếp đổi mới công ty lâm nghiệp tỉnh. Đến nay, có 8 công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh sắp xếp theo hình thức duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu Công ty TNHH MTV lâm nghiệp, Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. UBND tỉnh đã phê duyệt đề án và điều lệ hoạt động theo mô hình mới của 08 công ty nói trên. Đồng thời, tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp lại về quy mô và tổ chức hoạt động các Ban Quản lý rừng trên địa bàn tỉnh với tổng số 15 ban, qua đó, đảm bảo công tác quản lý, bảo vệ rừng, nâng cao hiệu quả hoạt động hơn so với trước đây.

<sup>5</sup> Gồm: NSTW hỗ trợ trực tiếp 97,7 tỷ đồng, NSDP các cấp 130 tỷ đồng, lồng ghép từ các chương trình dự án 1.180 tỷ đồng, tín dụng 3.900 tỷ đồng, còn lại huy động từ Nhân dân, doanh nghiệp và các nguồn khác.

<sup>6</sup> Công trình thủy lợi Đa Lây, Đa Đờn, Tuyên Lâm - Quảng Hiệp, Đa Tẻh, hồ Đông Tây Di Linh...

<sup>7</sup> Trong đó, diện tích gieo trồng được tưới bằng công trình thủy lợi 58.083 ha, đạt 24% so với diện tích gieo trồng cần tưới.

<sup>8</sup> Toàn tỉnh hiện có 14.616 được tưới bằng thiết bị phun mưa, nhờ giọt góp phân tiết kiệm nước, chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất.

<sup>9</sup> Gồm: giếng khoan tập trung là 174 công trình, 62 công trình cấp nước tự chảy và 06 loại hình công trình khác.

<sup>10</sup> Gồm: rừng đặc dụng 83.674 ha, rừng phòng hộ 173.148 ha, rừng sản xuất 342.175 ha

<sup>11</sup> Năm 2016, số diện tích GKQLBVR tăng so 2010 là 44.359 ha.

<sup>12</sup> Văn bản số 2210/TTg- ĐMDN ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản số 8686/BNN-QLDN, ngày 23/10/2015 của Bộ NN-PTNT.

**d) Huy động nguồn lực đầu tư phát triển**

- **Đầu tư phát triển toàn xã hội:** Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 5 năm (2011-2015) đạt 80.924 tỷ đồng, bằng 33,3% so với GRDP; năm 2016 khoảng 23.000 tỷ đồng, bằng 36,82% so với GRDP.

- **Tình hình và kết quả thu hút dự án đầu tư ngoài ngân sách:**

Số dự án được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư (GCNĐT) giai đoạn 2011 - 2015 là 308 dự án với tổng vốn đăng ký là 30.978 tỷ đồng, diện tích 23.065 ha. Cụ thể trên từng lĩnh vực như sau:

+ **Thu hút đầu tư trong nước:** có 271 dự án, với tổng vốn đăng ký là 28.800 tỷ đồng, chiếm 93% tổng vốn đăng ký đầu tư toàn tỉnh, bao gồm:

(1) **Lĩnh vực du lịch - thương mại:** Có 65 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký 9.789 tỷ đồng, diện tích 4.014 ha<sup>13</sup>. Các dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch và dịch vụ trên địa bàn tỉnh đã tạo thêm nhiều sản phẩm mới cho thị trường du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ du khách đến Đà Lạt - Lâm Đồng, góp phần quảng bá hình ảnh của thành phố Đà Lạt đến với du khách trong và ngoài nước.

(2) **Lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi, sản xuất nông lâm kết hợp:** Có 86 dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp, chăn nuôi gia súc và nuôi trồng thủy sản, với tổng vốn đầu tư đăng ký 9.636 tỷ đồng, diện tích 16.788 ha<sup>14</sup>. Các dự án đầu tư về nông nghiệp công nghệ cao chủ yếu tập trung ở các huyện: Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng và TP. Đà Lạt, sản phẩm chủ yếu là các loại rau, hoa. Lĩnh vực chăn nuôi phát triển, chuyển dịch theo hướng tăng dần các loại giống, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; đàn bò sữa có sự tăng trưởng vượt bậc. Các dự án nông, lâm, thủy sản đã góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống nhân dân trong vùng dự án, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tăng năng suất, sản lượng và giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2011 - 2015.

(3) **Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:** Thời gian qua, tỉnh tập trung đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp, thực hiện chính sách khuyến công, ưu đãi đầu tư. Trong giai đoạn 2011 - 2015, UBND tỉnh đã cấp GCNĐT cho 85 dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với vốn đầu tư đăng ký 5.305 tỷ đồng, diện tích 1.542 ha<sup>15</sup>. Riêng tại các KCN Lộc Sơn và Phú Hội, đã thu hút được 47 dự án với tổng vốn 2.247,5 tỷ đồng, diện tích đất thuê 89,7 ha.

(4) **Lĩnh vực văn hóa - xã hội:** Có 35 dự án đầu tư (gồm các dự án đầu tư khu dân cư) được UBND tỉnh cấp GCNĐT với tổng số vốn đăng ký khoảng 3.966 tỷ đồng, diện tích đất sử dụng 420,4 ha; đến cuối năm 2015, có 05 dự án đã hoàn thành toàn bộ hoặc một phần dự án đưa vào hoạt động, tổng vốn đầu tư thực hiện 415 tỷ đồng; diện tích sử dụng đất 5,38 ha.

+ **Thu hút vốn đầu tư nước ngoài:** Giai đoạn 2011 - 2015, có 37 dự án 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp GCNĐT với vốn đăng ký 103,74

<sup>13</sup> Đang triển khai thực hiện 05 dự án với vốn đầu tư đăng ký 232 tỷ đồng; 11 dự án đang hoạt động với vốn thực hiện khoảng 278,1 tỷ đồng, chủ yếu là các dự án xây dựng nhà hàng, khách sạn, các khu danh lam thắng cảnh, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ.

<sup>14</sup> Trong đó: 65 dự án đang triển khai xây dựng, vốn đầu tư thực hiện khoảng 415 tỷ đồng; có 6 dự án đầu tư trong đi vào hoạt động vốn đầu tư khoảng 378 tỷ đồng.

<sup>15</sup> Trong đó: 18 dự án đang triển khai với tổng vốn đăng ký 2.341 tỷ đồng, vốn thực hiện khoảng 585 tỷ đồng; 33 dự án đi vào hoạt động với tổng vốn đầu tư 680,3 tỷ đồng.

triệu USD<sup>16</sup>. Phần lớn các dự án có quy mô nhỏ, đầu tư chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, vốn bình quân 2,8 triệu USD/doanh nghiệp. Thu hút được 02 dự án đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản và thương mại thuộc hệ thống Big C Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký 14,3 triệu USD<sup>17</sup>. Trong năm 2016, UBND tỉnh đã cấp Quyết định chủ trương đầu tư cho 51 dự án, vốn đầu tư đăng ký 2.184,4 tỷ đồng, diện tích đất thực hiện dự án khoảng 606,7 ha; có 01 dự án FDI được cấp GCNĐT với tổng vốn đầu tư đăng ký là 100.000 USD. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh đã cấp GCN đăng ký đầu tư cho 10 dự án (04 dự án vào KCN Lộc Sơn và 06 dự án vào KCN Phú Hội) với tổng vốn đầu tư đăng ký 1.420 tỷ đồng, diện tích đất đăng ký 18,26 ha.

#### **- Đầu tư phát triển vùng ĐBDTTS:**

Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư phát triển vùng ĐBDTTS; ưu tiên đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu về giao thông, điện, nước sinh hoạt; phát triển các cơ sở y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa.... Trong 5 năm qua, tổng vốn đầu tư trực tiếp cho các chương trình, dự án tại vùng ĐBDTTS là 693,49 tỷ đồng; tạo sự chuyển biến rõ nét về đời sống của đồng bào; thu nhập bình quân đầu người tăng (năm 2014 đạt 28 triệu đồng/người/năm), tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS giảm nhanh (đến năm 2015 còn dưới 6% theo tiêu chí cũ); năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS còn 16,2% (theo tiêu chí mới). Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, ưu tiên bố trí sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ người DTTS. Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn, phát huy; giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc, góp phần ổn định quốc phòng, an ninh.

#### **g) Phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:**

- Giai đoạn 2011-2015, nhiều doanh nghiệp đã năng động, chủ động tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường trong và ngoài nước để tiêu thụ sản phẩm. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp (giá ss 1994) giai đoạn đạt 14%/năm. Năm 2016 tăng trưởng 8,5% so với năm 2015 (giá ss 2010). Công nghiệp chế biến nông, lâm, khoáng sản phát triển cơ bản đúng hướng; nhiều công trình thủy điện được đầu tư, đi vào hoạt động góp phần phát triển kinh tế và tăng tỷ trọng ngành công nghiệp. Chương trình khuyến công phát huy hiệu quả tích cực thông qua việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp chế biến nông, lâm sản, thay đổi công nghệ, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Đến cuối năm 2016, KCN Lộc Sơn và Phú Hội có 64 dự án được cấp GCNĐT (trong đó: 16 dự án FDI) với tổng vốn đăng ký 3.912 tỷ đồng và 66,16 triệu USD; có 29 doanh nghiệp đi vào hoạt động sản xuất - kinh doanh (trong đó: 09 doanh nghiệp FDI), có 06 dự án tạm ngừng hoạt động với tổng vốn đầu tư thực hiện khoảng 1.790 tỷ đồng và 3,5 triệu USD. Toàn tỉnh hiện có 10 cụm công nghiệp (CCN), với tổng diện tích quy hoạch 390,46 ha, hiện có 09/10 CCN được phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng<sup>18</sup>. Đến nay, có 28 doanh nghiệp đã đầu tư vào các cụm

<sup>16</sup> Gồm: 20 dự án đi vào hoạt động, vốn đầu tư đăng ký 43,64 triệu USD, 07 dự án đang triển khai thực hiện vốn đầu tư đăng ký 21,4 triệu USD.

<sup>17</sup> Dự án đi vào hoạt động từ năm 2013, đã góp phần giải quyết nhu cầu mua sắm các mặt hàng tiêu dùng theo xu hướng hiện đại của người dân và du khách, đồng thời cũng góp phần giải quyết đầu ra cho hàng hóa nông sản của thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận.

<sup>18</sup> Tiếp tục triển khai rà soát theo Chỉ thị 07/CT-TTg, đồng thời, thực hiện Quyết định 105/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã phê duyệt thành lập lại 03 CCN gồm: CCN Gia Hiệp, CCN Ka Đô và CCN Lộc Phát; 04 CCN tiếp tục đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư: CCN Phát Chi, CCN Đình Văn, CCN Lộc Thắng và CCN Đa Oai; 02 CCN giãn tiến độ đầu tư sang giai đoạn 2016 - 2020 là: CCN Đa Rsal, CCN Lộc An; bổ sung CCN Tam Bó vào quy hoạch; loại bỏ 03 CCN: Đa Tềh, Tân Châu và Hà Lâm.



công nghiệp.

- Tiếp tục phát triển tiểu thủ công nghiệp, nhất là khu vực nông thôn; mở rộng làng nghề hiện có, phát triển làng nghề mới; khuyến khích, tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong các làng nghề khu vực nông thôn; củng cố, khôi phục làng nghề truyền thống; bảo tồn, phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề bền vững thông qua việc nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm; khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương nhằm góp phần tạo việc làm cho lao động nông thôn, đẩy mạnh xây dựng NTM. Triển khai xây quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống gắn với phát triển hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035.

#### ***h) Phát triển thương mại, xuất nhập khẩu***

Thị trường hàng hóa cơ bản ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015 đạt 156.697 tỷ đồng, tăng bình quân 13,3%/năm. Năm 2016, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 36.163 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2015. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn đạt 1.748,5 triệu USD, bằng 61,1% kế hoạch, tăng bình quân 16%/năm; năm 2016 đạt 550 triệu USD. Tỉnh đã tổ chức nhiều chương trình hợp tác, hội nghị xúc tiến thương mại với các địa phương trong cả nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp kết nối giao thương, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm<sup>19</sup>. Ngoài ra, tỉnh đã hỗ trợ và lập các thủ tục đăng ký cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, hoa, may mặc, thủ công mỹ nghệ, đặc sản Đà Lạt... Giúp các doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong và ngoài nước.

#### ***i) Phát triển du lịch***

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch và các khu, điểm tham quan du lịch ngày càng phát triển. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.100 cơ sở với 17.252 phòng<sup>20</sup>. Nhiều khu, điểm tham quan du lịch được đầu tư, nâng cấp mở rộng, phát triển sản phẩm tạo sức hấp dẫn, thu hút khách du lịch<sup>21</sup>. Lượng khách du lịch đến Lâm Đồng tăng đều qua các năm, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,65%/năm. Năm 2016, thu hút được hơn 5,42 triệu lượt khách, trong đó có gần 300 ngàn lượt khách quốc tế; lượng khách qua đăng ký lưu trú đạt 3,62 triệu khách. Công tác xúc tiến thương mại, du lịch được chú trọng, đổi mới với nhiều hình thức đa dạng, như: tham gia các hội chợ triển lãm, quảng bá trên các phương tiện thông tấn, báo chí; liên kết phát triển du lịch, thương mại với các tỉnh Bình Thuận, Kiên Giang, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ,...

#### ***k) Phát triển kinh tế nhiều thành phần***

<sup>19</sup> Phối hợp tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm Chương trình Hợp tác Thương mại giữa TP. Hồ Chí Minh với Lâm Đồng và các tỉnh, thành Đông - Tây Nam bộ giai đoạn 2011 - 2015, kế hoạch hợp tác thương mại giai đoạn 2016 - 2020; Hội nghị kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại giữa 3 tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận; Hội nghị kết nối cung cầu cho các sản phẩm đặc trưng của Lâm Đồng vào hệ thống phân phối tại thị trường Phú Yên và các tỉnh Miền Trung năm 2016 vào ngày 31/8-2/9/2016. Các cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh đã hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia 30 kỳ hội chợ trong nước và 06 kỳ hội chợ nước ngoài; qua đó, đã hỗ trợ các doanh nghiệp ký kết được 44 thỏa thuận hợp tác thương mại, 18 thỏa thuận hợp tác du lịch.

<sup>20</sup> trong đó khách sạn từ 1 - 5 sao có 345 cơ sở với 9.298 phòng (chiếm 55,8% tổng số phòng cơ sở lưu trú), khách sạn 3-5 sao có 2.644 phòng (chiếm 28,43% số phòng khách sạn 1-5 sao).

<sup>21</sup> Như: KDL Rừng Madagui, Thác Đamb'ri, Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà, Thác Đatanla, Công ty Rừng hoa Đà Lạt, KDL Làng Cù Lân, một số dự án trong khu du lịch hồ Tuyền Lâm, Thung lũng Tình yêu;...



### **- *Tình hình phát triển doanh nghiệp:***

Đến hết năm 2016, tổng số doanh nghiệp còn tư cách pháp nhân là 6.447 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 60.972 tỷ đồng, tăng 16,5% số doanh nghiệp và 16,3% vốn đăng ký so với năm 2015. Số đơn vị trực thuộc (*chi nhánh, văn phòng đại diện*) là 2.522 đơn vị, tăng 16,1% so với năm 2015. Các doanh nghiệp tập trung tại TP. Bảo Lộc và Đà Lạt với 3.665 doanh nghiệp (*chiếm 56,8% số doanh nghiệp và 65,1% tổng vốn đăng ký toàn tỉnh*). Đa số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ<sup>22</sup>. Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp tập trung vào các ngành nghề có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như: thương mại, du lịch, nông, lâm nghiệp, khai thác khoáng sản<sup>23</sup>. Nhiều doanh nghiệp đã nỗ lực vượt qua khó khăn, phát triển được nhiều sản phẩm mới, khai thác tốt thị trường. Về hiệu quả hoạt động: số doanh nghiệp hoạt động hiệu quả có lợi nhuận trên 10% doanh số chiếm khoảng 60% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động; số doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ giảm dần, chỉ còn dưới 20%. Tỉnh quan tâm, từng bước tháo gỡ những khó khăn của doanh nghiệp về tiếp cận tín dụng, đất đai, các thủ tục về dự án đầu tư; nghiên cứu thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có vốn đăng ký lớn nhanh chóng đưa vốn vào sản xuất kinh doanh, phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

### **- *Tình hình phát triển kinh tế tập thể:***

Đến cuối năm 2016, toàn tỉnh có 194 hợp tác xã, gồm 23 Quỹ tín dụng nhân dân (*QTDND*) và 171 Hợp tác xã (*HTX*)<sup>24</sup>, 02 Liên hiệp HTX và 189 Tổ hợp tác (*THT*) được thành lập theo Nghị định 151 của Chính phủ, tổng số thành viên của hợp tác xã 84.133 thành viên; trong đó, số lao động thường xuyên trong hợp tác xã 10.000 người. Thu nhập bình quân của thành viên hợp tác xã đạt 48 triệu đồng/người/năm. Nhờ ứng dụng đồng bộ các giải pháp về giống, công nghệ cao, quy trình sản xuất tiên tiến nên năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ lực (*chè, cà phê, rau, hoa*) ngày càng tăng. Trong những năm gần đây việc liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tuy còn nhiều khó khăn song có bước phát triển khá tốt với nhiều hình thức liên kết phong phú và đa dạng, góp phần giúp cho nông dân có định hướng tốt hơn trong tổ chức sản xuất nhằm giải quyết tốt đầu ra sản phẩm. Một số mô hình liên kết như: liên kết giữa doanh nghiệp với hộ nông dân, liên kết giữa doanh nghiệp với tổ hợp tác; liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã; liên kết giữa THT với HTX đang được thực hiện khá tốt. Nhiều mô hình liên kết phát triển mạnh không chỉ ở các huyện, thành phố sản xuất rau, hoa, cây công nghiệp mà còn phát triển tại các huyện vùng sâu, vùng xa như: HTX Trung Thành, HTX Tân Hưng Phát (*huyện Cát Tiên*); HTX Quyết Tiến (*huyện Đa Tề*); HTX nông nghiệp susu Công Thành (*huyện Lâm Hà*).

### **- *Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp:***

Đến nay toàn tỉnh có 115 HTX nông nghiệp<sup>25</sup> với tổng vốn điều lệ là

<sup>22</sup> số doanh nghiệp có vốn đăng ký dưới 1 tỷ đồng chiếm 40,8% tổng số doanh nghiệp; số doanh nghiệp có vốn đăng ký từ 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng chiếm 40,5%; số doanh nghiệp có vốn đăng ký trên 100 tỷ đồng chỉ có 95 doanh nghiệp, chiếm 1,5% số doanh nghiệp nhưng chiếm 51,5% về tổng vốn đăng ký.

<sup>23</sup> Tuy nhiên, những lĩnh vực cần xã hội hóa cao như y tế, giáo dục vẫn chưa thu hút được đầu tư.

<sup>24</sup> Gồm có: 115 HTX nông nghiệp, 32 HTX Công thương, 22 HTX Giao thông vận tải, 1 HTX Dịch vụ - Du lịch và 01 HTX Xây dựng.

<sup>25</sup> Gồm: 68 HTX làm dịch vụ nông nghiệp, 39 HTX trồng trọt, 7 HTX chăn nuôi, 01 HTX nuôi trồng thủy sản.

181.116 triệu đồng; tổng số thành viên HTX là 5.846 thành viên<sup>26</sup>; số lao động trong HTX là 7.000 người; bộ máy quản lý của các HTX có 495 cán bộ. Thu nhập bình quân: hộ thành viên khoảng 6 triệu đồng/tháng, lao động làm thuê trong HTX khoảng 4 triệu đồng/tháng. Hoạt động của HTX chủ yếu trên các lĩnh vực: Cung ứng vật tư đầu vào, hoạt động đầu ra và tín dụng nội bộ. Toàn tỉnh hiện có 189 Tổ hợp tác (THT) với 3.610 tổ viên, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi, các THT hoạt động theo phương thức cùng nhau tham gia sản xuất một chủng loại sản phẩm, cùng tìm doanh nghiệp để tiêu thụ nông sản; hỗ trợ giúp nhau vay vốn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật. Kinh tế trang trại phát triển đột phá; toàn tỉnh có 936 trang trại, tăng 560 trang trại so cùng kỳ 2011. Hoạt động sản xuất của các trang trại ở tỉnh tập trung các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; mức thu nhập bình quân 01 trang trại hiện nay đạt trên 2,9 tỷ đồng/năm.

**Xây dựng duy trì các chuỗi SXKD trong nông nghiệp:** Toàn tỉnh có 29 chuỗi rau, 17 chuỗi chè, 01 chuỗi quả. Tổng diện tích các chuỗi là 1.334 ha, sản lượng 227.616 tấn/năm; 04 chuỗi chăn nuôi tại 4 huyện Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm với 31.415 con heo được cấp VietGAP nông hộ của 15 tổ hợp tác. Các cơ sở thực hiện chuỗi ATTP của tỉnh đạt hiệu quả cao, tất cả sản phẩm sản xuất trong chuỗi cơ bản đạt tiêu chuẩn ATTP, 100% diện tích được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, số mẫu vi phạm không đáng kể (dưới 1%), sản phẩm tiêu thụ tăng nhanh và ổn định. Một số cơ sở tạo được thương hiệu, có vai trò quan trọng, đi đầu trong việc kết nối với nông dân, sản xuất, kinh doanh tiêu thụ nông sản. Sản lượng nông sản tiêu thụ qua hợp đồng: đối với các cơ sở sản xuất theo chuỗi ATTP: 100% sản phẩm của các chuỗi được tiêu thụ thông qua hợp đồng với nông dân, trên 80% bán cho các siêu thị, trung tâm thương mại, 20% bán cho chợ đầu mối. Đối với các nông sản sản xuất không theo chuỗi, có khoảng 40% sản lượng chè, 20% sản lượng hoa, 25% sản lượng rau, 10% sản lượng cà phê, trên 90% sản lượng sữa bò tiêu thụ thông qua hợp đồng, số còn lại bán theo phương thức thuận mua vừa bán không qua hợp đồng.

## 2.2. Về Văn hoá xã hội

### a) Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng cuộc sống

Tiếp tục thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, quy mô dân số đến cuối năm 2016 đạt 1,289 triệu người. Quan tâm bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do<sup>27</sup>. Tỉnh đã triển khai Quyết định số 1776/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020 và Chương trình sắp xếp, ổn định dân cư gắn với đầu tư phát triển hạ tầng và xây dựng NTM<sup>28</sup>.

<sup>26</sup> Trong đó, Hợp tác xã đăng ký theo luật HTX năm 2012 là 83 HTX đạt tỷ lệ 84% (38 HTX thành lập mới và 45 HTX chuyển đổi); chỉ còn 16 HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2003 chưa chuyển đổi, chiếm tỷ lệ 16%. Toàn bộ đất sản xuất của các HTX đều do xã viên quản lý sử dụng ổn định, ngoại trừ HTX Thạnh Nghĩa (Đơn Dương) còn quản lý đất đai tập trung với diện tích 98 ha. Diện tích đất chuyển dùng do các HTX quản lý có 16/99 HTX với tổng diện tích là 3,5945 ha chủ yếu là đất làm trụ sở và kho xưởng.

<sup>27</sup> Dân di cư tự do đến Lâm Đồng từ năm 2005 đến 2016 khoảng 3.625 hộ/13.843 khẩu (riêng năm 2016 có 06 hộ). Các hộ dân này phân lớn đến từ Lạng Sơn, Lai Châu, Sơn La, Bắc Cạn, Cao Bằng, Hưng Yên, Hòa Bình, Hà Tây, Nghệ An... Thành phần dân tộc chủ yếu là dân tộc Mông, Kinh, K'Ho, Tày, Nùng, Dao. Hiện nay trên địa bàn tỉnh vẫn còn 1.627 hộ/6.793 khẩu đang sinh sống trong các khu rừng, trong đó: Đam Rông (329 hộ/1.536 khẩu); Lạc Dương (245 hộ/717 khẩu); Di Linh (68 hộ/267 khẩu); Lâm Hà (916 hộ/3.961 khẩu) và Cát Tiên (69 hộ/312 khẩu).

<sup>28</sup> Trong giai đoạn 2011-2015, tỉnh tập trung triển khai thực hiện 11 dự án sắp xếp dân cư với tổng kinh phí 186,5 tỷ đồng, đã thực hiện bố trí, sắp xếp ổn định chỗ ở và cuộc sống cho 3.000 hộ gồm các đối tượng hộ dân trong vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, hộ dân di cư tự do và hộ dân sống trong rừng đặc dụng, phòng hộ; Tiếp tục

- Thực hiện các chương trình MTQG và một số dự án quan trọng trong giai đoạn 2011 - 2015 đạt được những kết quả như sau:

*Về bảo hiểm y tế:* toàn tỉnh đã cấp 1.271.494 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào DTTS (bình quân 254.300 người/năm, chiếm 20,3% dân số) với tổng giá trị 678,55 tỷ đồng và 1.674.669 lượt người nghèo, cận nghèo, đồng bào DTTS được khám, chữa bệnh với tổng kinh phí 243,4 tỉ đồng (bằng 37,5% tiền mua thẻ).

*Về nhà ở:* 16.271 hộ nghèo được hỗ trợ làm nhà ở, trong đó có 7.820 căn được hỗ trợ theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với tổng kinh phí 169,92 tỷ đồng. Hỗ trợ tiền điện cho 60.377 lượt hộ nghèo với tổng kinh phí 26,06 tỷ đồng theo Quyết định số 268/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trợ cấp khó khăn cho 34.578 hộ nghèo với tổng kinh phí 8,645 tỷ đồng theo Quyết định số 471/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hỗ trợ trực tiếp cho 520.677 khẩu thuộc hộ nghèo vùng khó khăn<sup>29</sup> với tổng kinh phí 49,1 tỷ đồng. Tổng vốn đã đầu tư Chương trình 135 là: 355,64 tỷ đồng<sup>30</sup>. Tổng kinh phí thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất là 27,05 tỷ đồng; hỗ trợ cho 8.386 hộ/213 ha giống cây trồng các loại; 821 vật nuôi; 478 máy công cụ phục vụ sản xuất; 2.064 tấn phân bón; mở 31 lớp/850 người tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật. Hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho hộ ĐBDTTS và hộ nghèo ở xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn<sup>31</sup>: Tổng vốn đã thực hiện 46.781 triệu đồng (vốn Trung ương 45.281 triệu đồng, vốn địa phương 1.500 triệu đồng) đầu tư xây mới và nâng cấp sửa chữa 54 công trình nước sinh hoạt tập trung, phục vụ cho hơn 3.585 hộ; khai hoang 72,3 ha để cấp đất sản xuất cho 229 hộ; hỗ trợ 281 hộ mua sắm nông cụ phục vụ sản xuất, góp phần giải quyết nhu cầu sản xuất và nước sinh hoạt trong vùng ĐBDTTS.

Chính sách định canh, định cư: Toàn tỉnh có 21 dự án ĐCĐC<sup>32</sup> với tổng nhu cầu vốn 149.714 triệu đồng<sup>33</sup> để đầu tư bố trí cho 1.171 hộ/6.002 khẩu. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành 08 dự án<sup>34</sup>, bố trí cho 562 hộ/2.885 khẩu, đạt 45,4% với kinh phí đã bố trí 61.869 triệu đồng.

Vay vốn qua Ngân hàng chính sách xã hội: Trong giai đoạn 2011 - 2015, có 213.388 lượt hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn với số tiền 3.233,8 tỉ đồng. Tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách về giảm nghèo đến 31/12/2015 là 2.369,3 tỉ đồng<sup>35</sup>.

Chính sách hỗ trợ giáo dục: có 644.401 học sinh được miễn, giảm học phí,

---

thực hiện chương trình năm 2016 với kinh phí 20 tỷ đồng cho 04 dự án bao gồm: Dự án bố trí dân DCTD xã Hòa Bắc - Hòa Nam, huyện Di Linh 5.000 triệu đồng; Dự án đặc biệt khó khăn thôn 3,4 xã Phước Cát 3 huyện Cát Tiên 5.000 triệu đồng; Dự án bố trí dân DCTD xã Tân Thanh huyện Lâm Hà 5.000 triệu đồng; Dự án ổn định dân cư thôn Đưng K' Si huyện Lạc Dương 5.000 triệu đồng.

<sup>29</sup> Theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>30</sup> Đầu tư mới và nâng cấp sửa chữa 378 công trình đường giao thông nông thôn; 21 công trình trường học; 84 nhà sinh hoạt cộng đồng; nâng cấp 01 trạm y tế; 17 công trình thủy lợi kênh mương tưới tiêu, hồ chứa nước; 06 công trình nước sinh hoạt; 6 cầu cống; 06 công trình điện sinh hoạt và duy tu bảo dưỡng 70 công trình.

<sup>31</sup> Theo Quyết định số 1592/QĐ-TTg và Quyết định số 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>32</sup> 08 dự án tập trung và 13 dự án xen ghép.

<sup>33</sup> Vốn bố trí theo Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 89.522 triệu đồng; vốn lồng ghép 60.192 triệu đồng.

<sup>34</sup> 01 dự án tập trung và 07 dự án xen ghép.

<sup>35</sup> Trong đó dư nợ cho vay hộ nghèo là 351,3 tỉ đồng/18.883 hộ, dư nợ cho vay hộ cận nghèo là 565,9 tỉ đồng, dư nợ cho vay hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn là 9,0 tỉ đồng/1.400 hộ, dư nợ cho vay hộ nghèo làm nhà ở là 35,1 tỉ đồng/4.423 hộ, dư nợ cho vay dân tộc thiểu số nghèo để cải tạo đất sản xuất, chuyển đổi nghề 11,0 tỉ đồng/754 hộ, cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn 472,4 tỉ đồng/19.607 hộ.

hỗ trợ chi phí học tập với tổng kinh phí 677,6 tỉ đồng, hỗ trợ tiền ăn trưa là 137,3 tỉ đồng. Có 9.330 học sinh DTTS được hỗ trợ 1.260 tấn lương thực. Về hỗ trợ đào tạo nghề nông thôn: Bình quân mỗi năm, có 6.000 lao động nông thôn được *hỗ trợ học nghề* theo Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn (*trong đó trên 50% người học là đồng bào DTTS, người ở các xã nghèo, huyện nghèo*). Bình quân hàng năm có 1.400 lao động thuộc hộ nghèo được đào tạo và 71% có việc làm đúng nghề. Mỗi năm có 600 người lao động có thời hạn ở nước ngoài (*chỉ có 50 người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào DTTS*). Thực hiện trợ giúp pháp lý cho 2.251 lượt hộ nghèo, cận nghèo, người DTTS ở các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn và huyện Đam Rông; thành lập 08 câu lạc bộ trợ giúp pháp lý tại 8 xã và tổ chức 04 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý, 84 buổi sinh hoạt trợ giúp pháp lý; cấp 30 bảng thông tin, 9.000 cuốn cẩm nang và 15.600 tờ gấp pháp luật cho các câu lạc bộ ...với tổng kinh phí 1.065 triệu đồng.

Về hỗ trợ của doanh nghiệp, sở ngành, đoàn thể: Việc tặng quà, hỗ trợ học tập cho học sinh nghèo được hầu hết các doanh nghiệp, cơ quan thực hiện trong các dịp lễ, tết. Nhiều đơn vị đã hỗ trợ làm nhà cho hộ nghèo, tặng trang thiết bị làm việc cho UBND xã, vận động tổ chức nước ngoài xây dựng trường mầm non, tổ chức khám bệnh, cấp thuốc cho người nghèo,...

### ***b) Xây dựng đời sống văn hoá mới***

#### ***- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa:***

Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền, vận động, đăng ký xây dựng gia đình; khu dân cư; xã, phường, thị trấn; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa được Ban Chỉ đạo các cấp, Ban vận động xây dựng đời sống văn hóa ở các khu dân cư quan tâm; quy trình đăng ký, bình xét và đề nghị công nhận các danh hiệu văn hóa trong Phong trào TĐĐKXDĐSVH được các địa phương tổ chức thực hiện trên tinh thần công khai, dân chủ, đảm bảo đúng tiêu chuẩn.

Đến nay, toàn tỉnh có: 259.078/297.051 hộ gia đình đạt danh hiệu “*Gia đình văn hóa*”, đạt 87,2%; 1.449/1.573 thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu “*Khu dân cư văn hóa*”, đạt 92%; 89/147 xã, phường, thị trấn được công nhận danh hiệu văn hóa<sup>36</sup>, đạt 61%; 1.480/1.609 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã được công nhận đạt chuẩn văn hóa, đạt 92%.

#### ***- Đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở:***

Đối với các huyện, thành phố: toàn tỉnh hiện có 11/12 Trung tâm Văn hóa, thể thao được đầu tư xây dựng<sup>37</sup>. Hệ thống thiết chế thể thao toàn tỉnh không ngừng được đầu tư<sup>38</sup>. Đối với xã, phường, thị trấn: Từ năm 2012 đến nay, có 41 nhà văn hóa xã, phường, thị trấn được đầu tư xây dựng mới (*năm 2016, xây dựng 11 nhà văn hóa xã, phường, thị trấn*); toàn tỉnh hiện có 125/147 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa đạt 85,03% và 1.193/1.573 thôn, buôn, tổ dân phố có nhà văn hóa đạt 75,84%<sup>39</sup>.

Việc đầu tư Bảo tồn, tôn tạo di tích và nghiên cứu sưu tầm, phục hồi các di sản văn hóa được tỉnh quan tâm. Một số dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị

<sup>36</sup> Trong đó có 67 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 22 phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

<sup>37</sup> Riêng Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Cát Tiên đã được bố trí vốn năm 2017 là 4 tỷ đồng để đầu tư xây dựng mới (tổng mức đầu tư: 20 tỷ đồng).

<sup>38</sup> Toàn tỉnh hiện nay có 05 nhà thi đấu đa năng; 01 Khu liên hợp Thể thao, 65 sân bóng đá mini có nhân tạo, 55 sân quần vợt, 100 sân bóng chuyền...

<sup>39</sup> Trong đó có 93 xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa, thể thao cơ bản đạt theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và 559 nhà văn hóa - thể thao cơ bản đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

văn hóa - lịch sử được tỉnh triển khai thực hiện<sup>40</sup>. Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng và triển khai Đề án Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá công cộng các dân tộc Tây Nguyên tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2009 - 2010 và tầm nhìn đến năm 2015<sup>41</sup>. Đề án đã bước đầu hỗ trợ hình thành 03 mô hình tại địa bàn huyện Đơn Dương, Đức Trọng và Lạc Dương. Hàng năm, các lễ hội văn hóa công cộng của tỉnh đã thu hút đông đảo thế hệ trẻ là cư dân DTTS tại chỗ tham gia. Qua đó tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu giá trị, hình ảnh của Không gian văn hoá công cộng. Đồng thời, Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh đã đầu tư phục dựng nhiều nghi lễ của đồng bào dân tộc quan trọng<sup>42</sup>.

#### **- Lĩnh vực văn hóa nghệ thuật:**

Quan tâm chỉ đạo, tổ chức nhiều hoạt động văn hóa - nghệ thuật góp phần phát triển văn hóa và bảo tồn bản sắc văn hóa bản địa Lâm Đồng<sup>43</sup>. Phát triển rộng khắp phong trào văn nghệ quần chúng ở hầu hết các xã, phường, thị trấn; phong trào văn hóa văn nghệ trong các cơ quan, đơn vị, trường học được duy trì thường xuyên. Toàn tỉnh hiện có 996 đội văn nghệ quần chúng, thường xuyên hoạt động, giao lưu và tham gia các hội thi, hội diễn văn nghệ, tạo phong trào sôi nổi, góp phần phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa cho nhân dân. Hoạt động thư viện có nhiều chuyển biến tích cực, đáp ứng nhu cầu người đọc. Hằng năm, tỉnh tổ chức nhiều hoạt động với các hình thức phong phú và đa dạng như: Ngày hội Internet, Ngày sách Việt Nam, Ngày Thơ Việt Nam; Liên hoan thiếu nhi kể chuyện theo sách; nói chuyện chuyên đề, giới thiệu tác giả - tác phẩm, giao lưu với nhà văn, nhà thơ và bạn đọc... đã tạo không khí sôi nổi, thu hút bạn đọc, góp phần thúc đẩy phong trào đọc và nâng cao văn hóa đọc trong Nhân dân.

#### **d) Giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**

Quy mô giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng, hệ thống trường lớp phát triển rộng khắp và bố trí hợp lý theo địa bàn dân cư, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Chất lượng, hiệu quả giáo dục ở các ngành học, cấp học chuyển biến tích cực; triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; đổi mới phương pháp dạy, học và kiểm tra, đánh giá. Phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập THCS tại 147/147 xã, phường, thị trấn và 12/12 huyện, thành phố. Giáo dục vùng đồng bào DTTS và địa bàn khó khăn có nhiều tiến bộ. Cơ sở vật chất được đầu tư, cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học: Năm học

<sup>40</sup> Dự án Tôn tạo và phục dựng và phá huy giá trị lịch sử nhà lao thiếu nhi Đà Lạt (1971-1973), với tổng kinh phí thực hiện 24 tỷ đồng (đã hoàn thành, đưa vào sử dụng năm 2016); dự án Khu Di tích lịch sử căn cứ kháng chiến khu VI Cát Tiên, huyện Cát Tiên, với tổng kinh phí thực hiện 91,496 tỷ đồng, khối lượng đạt khoảng 80% (dự kiến cuối năm 2017 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng); dự án khu khảo cổ Cát Tiên, với kinh phí thực hiện khoảng từ 38 tỷ đồng, khối lượng thực hiện đạt khoảng 30%, đang xây dựng hạng mục Nhà trưng bày - Ban Quản lý của dự án.

Mộc bản triều Nguyễn - Di sản Tư liệu thế giới đang được giao cho Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV quản lý, bảo quản và phát huy giá trị của tài liệu mộc bản. Hiện nay, Trung tâm đang bảo quản khối lượng lớn tài liệu mộc bản gồm 34.619 tấm bản gốc với 55.320 mặt khắc. Toàn bộ mộc bản đã được chỉnh lý khoa học, trên 9 chuyên đề như lịch sử, địa lý, quân sự, pháp chế, ngôn ngữ văn tự... gồm 152 đầu sách với 1.953 quyển. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV mở cửa phục vụ du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, tìm hiểu di sản mộc bản.

<sup>41</sup> mở được 45 lớp truyền dạy công chiêng ở các địa phương, hơn 1080 học viên là thế hệ trẻ người Mạ, K'ho hoặc Churu tham gia.

<sup>42</sup> Lễ Pothì (của người Churu và nhóm K'ho ở K'Long - Đức Trọng), lễ Nhô Wèr (của cộng đồng K'ho Srê ở huyện Di Linh), Lễ Bok Chu-bur (của cộng đồng Churu ở huyện Đức Trọng), các nghi thức cúng lúa rẫy (của người Mạ ở Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm)...

<sup>43</sup> Đoàn ca múa nhạc Dân tộc Lâm Đồng, hằng năm tổ chức trên 120 buổi biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2015 - 2016, toàn tỉnh có 710 trường với hơn 9.026 phòng học<sup>44</sup>. Hệ thống đào tạo đại học, cao đẳng được củng cố và phát triển, quy mô đào tạo tăng lên hàng năm<sup>45</sup>. Mạng lưới cơ sở dạy nghề phát triển nhanh, từng bước đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo nghề của xã hội<sup>46</sup>. Nội dung, phương pháp, cơ cấu ngành nghề đào tạo tiếp tục được đổi mới, phát triển gắn với nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động và từng bước hội nhập quốc tế.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được quan tâm; nhiều chương trình hợp tác, liên kết trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực được thực hiện. Tập trung đào tạo đội ngũ công chức hành chính nhà nước theo hướng chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn cao. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên để bố trí vào các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của địa phương.

#### ***đ) Y tế, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân***

Mạng lưới y tế cơ sở, trang thiết bị y tế được ưu tiên đầu tư, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân. Đến nay, toàn tỉnh có 2.567 giường bệnh (*tăng 339 giường so với năm 2011*), bình quân 22,5 giường/10.000 dân (*không tính giường bệnh tuyến xã*). Đội ngũ y, bác sỹ và cán bộ ngành y tăng về số lượng và chất lượng. Ứng dụng thành công nhiều kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán và điều trị tại các bệnh viện tuyến tỉnh, giảm bớt tình trạng chuyển tuyến, tăng tỷ lệ kỹ thuật thực hiện tại tuyến huyện từ 41,9% lên 63,6%.

Công tác y tế dự phòng, phòng chống các bệnh xã hội và dịch bệnh nguy hiểm được triển khai đồng bộ, kịp thời không chế và hạn chế đến mức thấp nhất số người mắc và chết do dịch bệnh. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em được chú trọng, duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ hàng năm đạt trên 95%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 14,1%. Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về dân số, kế hoạch hóa gia đình, duy trì mức sinh hợp lý, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,38% (*năm 2011*) xuống còn 1,26% (*năm 2015*). Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, chi hỗ trợ 30% mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo từ ngân sách địa phương, nâng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế từ 56% (*năm 2011*) lên 70% (*năm 2015*). Công tác thu hút các nguồn lực xã hội để đầu tư cơ sở vật chất ngành y tế được quan tâm và đạt nhiều kết quả tích cực<sup>47</sup>.

### **2.3. Về an ninh chính trị**

#### ***a) Giáo dục chính trị tư tưởng***

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đơn vị quan tâm thực hiện; lồng ghép việc tổ chức nghiên cứu quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng với chủ trương chính sách của Nhà nước về phát triển vùng Tây Nguyên giúp cán bộ, công chức và Nhân dân nhân rõ âm mưu, thủ đoạn của

<sup>44</sup> Gồm: mẫu giáo 225 trường với 2.203 phòng học, Tiểu học 253 trường với 6.823 phòng học, Trung học cơ sở 158 trường với 3.969 phòng học, Trung học phổ thông có 59 trường với 1.273 phòng học.

<sup>45</sup> Toàn tỉnh hiện có 02 trường đại học, 01 phân hiệu đại học, 06 trường cao đẳng; cơ sở vật chất được đầu tư trang bị khá tốt, hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, ký túc xá được đầu tư ngày càng hoàn thiện, đáp ứng được nhu cầu dạy và học cho mọi đối tượng.

<sup>46</sup> Có 47 cơ sở dạy nghề: 01 trường đại học và 01 trường cao đẳng tham gia dạy nghề, 4 trường cao đẳng nghề, 41 cơ sở dạy nghề; cơ sở vật chất các trường cao đẳng và trung cấp dạy nghề được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người nghèo, người tàn tật góp phần thực hiện công bằng xã hội.

<sup>47</sup> Từ năm 2011 đến nay, thông qua hình thức xã hội hóa, đã đầu tư trang thiết bị y tế đạt khoảng 37,5 tỷ đồng; số giường bệnh tăng từ 233 giường bệnh năm 2011 lên 352 giường bệnh năm 2015.

thế lực thù địch, kiên quyết đấu tranh chống lại các luận điệu kích động, lôi kéo, tập trung đông người gây mất an ninh trật tự.

Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh hàng năm thực hiện theo đúng quy định; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh thường xuyên chỉ đạo cấp ủy - chỉ huy các cơ quan, đơn vị, nhà trường kết hợp giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sỹ, lực lượng thường trực, dự bị động viên và dân quân tự vệ với tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nguyên.

Trong quá trình huấn luyện kết hợp làm công tác vận động quần chúng, tuyên truyền cho nhân dân nhận rõ những âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch và chấp hành chủ trương, của Đảng chính sách, pháp luật Nhà nước và quy định của địa phương, nhất là chính sách về dân tộc, tôn giáo, tạo mối đoàn kết chặt chẽ giữa quân với dân trong giữ vững an ninh chính trị - trật tự xã hội góp phần ổn định địa bàn, tạo điều kiện để nhân dân phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân, nhất là ở vùng sâu, xa, đồng bào DTTS góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

***b) Xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân vững mạnh toàn diện***

- Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa lực lượng công an, quân đội theo Nghị định 77/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 07/2012/TTLT-BCA-BQP trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng; thực hiện tốt việc phối hợp giữa DQTV với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng theo Nghị định 133/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hàng năm, tổ chức các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ cho các huyện, thành phố; diễn tập chiến đấu phòng thủ cho 20 - 25% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh để nâng cao trình độ nhận thức, năng lực chỉ huy, điều hành và sự phối hợp giữa lực lượng vũ trang với cấp ủy, chính quyền địa phương cùng các sở, ban, ngành, đoàn thể trong xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh trong từng giai đoạn.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, công an viên có số lượng hợp lý, bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng và Nhân dân, thực sự là nòng cốt trong việc nắm bắt tình hình và giữ gìn an ninh- trật tự ở cơ sở.

***c) Chăm lo xây dựng, giữ vững an ninh trật tự; tăng cường và bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng với lực lượng vũ trang***

- Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng; hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục đổi mới, hoàn thiện. Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức theo chức danh, ngành nghề đào tạo, tạo điều kiện cho công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đến nay, có 96/117 xã đạt tiêu chí về xây dựng hệ thống chính trị xã hội vững mạnh (82,05%).

- Công an tỉnh đã xây dựng nghị quyết, kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ để chỉ đạo Công an các huyện, thành phố hướng dẫn lực lượng Công an làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân tham gia đấu tranh, phòng chống tội phạm; phối hợp Mặt trận,



đoàn thể các cấp xây dựng, củng cố nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; chỉ đạo, hướng dẫn Công an các địa phương rà soát, đề xuất, tuyển dụng, bổ sung lực lượng thường trực cho các xã trọng điểm phức tạp về ANTT. Qua đó tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững, ổn định; phong trào toàn dân bảo vệ ANTT được xây dựng, củng cố vững mạnh. Đến nay, có 115/117 xã đạt tiêu chí về an ninh trật tự - xã hội được giữ vững. Tham gia có hiệu quả công tác khắc phục thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn góp phần giúp nhân dân ổn định cuộc sống. Thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng nông thôn mới góp phần xây dựng các xã, thị trấn, nhất là các xã vùng sâu, xa, DBDTTS đạt được các tiêu chí nông thôn mới.

- Quán triệt công tác tăng cường và bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng đối với lực lượng quân đội, công an; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia trên địa bàn tỉnh.

#### ***d) Chính sách dân tộc***

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước; khơi dậy và nâng cao ý thức đoàn kết, tính tích cực trong việc phát triển sản xuất, giảm nghèo, xây dựng thôn, buôn. Tổ chức tốt các phong trào hành động cách mạng để từng bước tập hợp, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng, thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào dân tộc chuyển từ thái độ thụ động, ỷ lại sang chủ động, phấn đấu vươn lên thoát nghèo. Tăng cường công tác quản lý, giáo dục, cảm hóa đối tượng liên quan đến Fulro đang sinh sống trong cộng đồng đi đôi với đẩy mạnh đấu tranh xóa bỏ tổ chức và lực lượng của Fulro, Tin Lành Đêga; không để bọn phản động lợi dụng tôn giáo nhen nhóm lôi kéo quần chúng, tập hợp lực lượng.

### **2.4. Về công tác tôn giáo**

#### ***a) Nhất quán chủ trương của Đảng và Nhà nước về tôn giáo***

Quán triệt và tổ chức thực hiện đúng đắn, nhất quán chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tôn giáo, nhất là đối với đạo Tin lành. Coi việc giải quyết tốt vấn đề đạo Tin lành là nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, góp phần đấu tranh ngăn chặn âm mưu, thủ đoạn, ý đồ của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo gây mất ổn định chính trị, xã hội; phát huy các tập tục tốt đẹp của đồng bào để triển khai thực hiện thắng lợi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ở cơ sở.

#### ***b) Chăm lo công tác quần chúng***

Thực hiện công tác chăm lo công tác vận động quần chúng là tín đồ, chức sắc các tôn giáo, đảm bảo tổ chức, hoạt động của các tôn giáo đúng quy định; duy trì và thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, về quốc phòng, an ninh cho các chức sắc, chức việc. Tập trung nắm, xây dựng, bồi dưỡng số chức sắc có quan điểm, thái độ đúng đắn, vận động họ tích cực tham gia xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia công tác xã hội, làm hạt nhân trong tổ chức thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

### **2.5. Về xây dựng hệ thống chính trị**

#### ***a) Xây dựng, củng cố, kiện toàn bộ máy nhà nước các cấp***

- Về sắp xếp, quy định chức năng nhiệm vụ các cơ quan hành chính:

*Đối với cấp tỉnh:* Thực hiện Nghị định số 13/2008/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố thuộc Trung

ương; tỉnh Lâm Đồng có 23 cơ quan, tổ chức; trong đó: 19 cơ quan thực hiện theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và 04 cơ quan sử dụng biên chế công chức là: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Vườn Quốc gia Bì Doup Núi Bà (*lực lượng Kiểm lâm*) và Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng<sup>48</sup>. Thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành xây dựng dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 17 sở, ngành<sup>49</sup>; đang xem xét để ban hành đối với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo.

*Đối với cấp huyện:* Thực hiện Nghị định số 14/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo các huyện, thành phố tổ chức các cơ quan chuyên môn theo đúng quy định. Năm 2014, căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố đã tiến hành quy định lại vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp huyện. Hiện nay tại tỉnh, UBND cấp huyện có 13 phòng chuyên môn (*riêng TP. Bảo Lộc chưa thành lập phòng Dân tộc*)<sup>50</sup>.

*Đối với cấp xã:* hiện có 72 xã, phường, thị trấn loại I, 64 xã, phường, thị trấn loại II và 11 xã loại III; đến 31/12/2016, toàn tỉnh có 2.988 cán bộ, công chức cấp xã<sup>51</sup> và 6.883 người hoạt động không chuyên trách<sup>52</sup>. Hiện nay, so với định mức tối đa quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 139/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh, còn thiếu 535 cán bộ, công chức.

Việc quản lý, sử dụng biên chế công chức trên địa bàn tỉnh thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý biên chế công chức và Thông tư số 07/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- *Về sắp xếp, quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị sự nghiệp:* Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh đến năm 2016 là 817 đơn vị<sup>53</sup>.

#### **b) Chăm lo xây dựng phát triển tổ chức đảng**

Chăm lo xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các loại hình,

<sup>48</sup> Đến năm 2013 sáp nhập với Ban Nội chính Tỉnh ủy.

<sup>49</sup> gồm: Nội vụ; Ngoại vụ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công thương; Tư pháp; Khoa học và công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Xây dựng; Văn hóa thể thao và Du lịch; Thông tin và truyền thông; Thanh tra tỉnh; LĐ-TB-XH; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư, Y tế và Ban Dân tộc.

<sup>50</sup> Riêng Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện hiện nay vẫn đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; theo Nghị định 14/2008/NĐ-CP, ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (chưa có văn bản hướng dẫn về chức năng nhiệm vụ của Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện).

<sup>51</sup> Gồm: 1.550 cán bộ chuyên trách, 1.438 công chức.

<sup>52</sup> Gồm: 2.164 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và 4.719 người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

<sup>53</sup> Từ năm 2014 đến nay, tỉnh đã thực hiện hợp nhất 18 TT. GDTX, TT. Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và TT. Dạy nghề cấp huyện thành 10 TT. GDTX và Dạy nghề cấp huyện; sáp nhập TT. Đào tạo bồi dưỡng tại chức tỉnh (thuộc Sở Nội vụ) vào Trường Chính trị tỉnh; hợp nhất TT. Thông tin - Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và 12 Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện để thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh; chuyển đổi Phòng Công chứng số 2 thành phố Bảo Lộc thành Văn phòng công chứng Lê Trung Kiên...

nhất là ở khu vực nông thôn, vùng DTTS, đảng viên là người DTTS tại chỗ, nhằm sớm thực hiện mục tiêu xóa chi bộ ghép, xóa thôn, tổ dân phố chưa có tổ chức đảng và đảng viên; tăng cường kiểm tra, hỗ trợ, giúp đỡ thường xuyên của cấp trên; có chính sách khuyến khích cán bộ ổn định phục vụ lâu dài, kết hợp luân chuyển, điều động cán bộ có năng lực về công tác ở các xã khó khăn, vùng DTTS. Hiện có 147 xã, phường, thị trấn, 1.573 thôn, buôn, tổ dân phố; có 100% tổ chức đảng xã, phường, thị trấn là đảng bộ cơ sở với 2.410 chi bộ trực thuộc, 26.035 đảng viên (*dân tộc 3560; tôn giáo 2722*); có 1.567/1.573 thôn, tổ dân phố có chi bộ. Hiện nay còn 06 thôn, tổ dân phố sinh hoạt ghép.

**c) Xây dựng tổ chức cơ sở vững mạnh từ thôn, buôn**

Xác định thôn, buôn là một bộ phận rất quan trọng và địa bàn chủ yếu cấp cơ sở, từ đó tập trung xây dựng thôn, buôn vững mạnh; nghiên cứu, xây dựng mô hình thôn, buôn dòng họ, liên gia tự quản; đề cao vai trò già làng, vận dụng linh hoạt các luật tục để xây dựng các hương ước về bảo vệ trật tự trị an, tài nguyên môi trường.

**d) Xây dựng các tổ chức chính trị, xã hội vững mạnh**

Xây dựng các tổ chức chính trị, xã hội vững mạnh, phát huy vai trò hạt nhân của chi bộ thôn, vai trò của Mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội luôn được các cấp ủy quan tâm. Các tổ chức chính trị, xã hội cơ sở đã đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; các đảng bộ cơ sở có chủ trương, nghị quyết lãnh đạo các mặt nhất là chương trình xây dựng NTM, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên; tăng cường nắm tình hình để giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc. Chú trọng củng cố, nâng cao năng lực hoạt động chính quyền. Mặt trận, các đoàn thể đã xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện các phong trào như: xây dựng NTM, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, chương trình vì người nghèo, hiến đất xây dựng đường giao thông nông thôn,... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, nâng cao đời sống Nhân dân.

**2.6. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng**

- Công tác tiếp công dân, tiếp nhận xử lý và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện đúng quy định; tập trung giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo từ cơ sở; đã giải quyết dứt điểm được nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài và các vụ khiếu nại đông người, phức tạp, không để phát sinh điểm nóng.

- Công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm chỉ đạo gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (*Khóa XI*) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*” và Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị. Hầu hết các cấp, ngành và địa phương đã xây dựng và triển khai các biện pháp thực hiện kế hoạch phòng chống tham nhũng theo quy định thông qua công tác cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ, kê khai, công khai minh bạch tài sản, thu nhập,... đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**II. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân**

**1. Những khó khăn, hạn chế**

- Kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ hội và yêu cầu phát triển của địa phương; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, một số công trình trọng điểm chưa

triển khai<sup>54</sup>; kim ngạch xuất khẩu không đạt mục tiêu đề ra<sup>55</sup>. Huy động và sử dụng các nguồn lực trong và ngoài tỉnh phát triển kinh tế, xã hội còn hạn chế. Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông đối ngoại và kết cấu hạ tầng ở vùng sâu, xa, đồng bào DTTS, hạ tầng phục vụ sản xuất ... còn nhiều khó khăn. Các lĩnh vực đột phá phát triển chưa tương xứng thế mạnh và lợi thế của tỉnh. Quản lý, bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản còn nhiều hạn chế.

- Các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ có sự chênh lệch, không đồng đều giữa vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS so với vùng đô thị; giảm nghèo chưa thật bền vững, đời sống một bộ phận nhân dân, gia đình chính sách còn gặp nhiều khó khăn.

- An ninh, chính trị còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng. Tai nạn giao thông và vi phạm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao.

- Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở đảng chưa đáp ứng yêu cầu; cơ chế, chính sách và cơ cấu cán bộ là người dân tộc thiểu số còn hạn chế. Đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở thôn ngày càng tăng, tạo áp lực cho ngân sách Nhà nước<sup>56</sup>.

### **3.2. Nguyên nhân những hạn chế, khó khăn**

- Sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính trong khu vực và trên thế giới, tình hình khó khăn chung của cả nước, các chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, cắt giảm đầu tư công, miễn giảm thuế... đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội và cân đối nguồn lực của tỉnh.

- Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt thấp so với chỉ tiêu đề ra do một số mặt hàng chủ yếu của tỉnh giảm sút về số lượng xuất khẩu và giá cả có sự biến động trong các năm qua như: tơ xe, lụa, chè chế biến, cà phê chế biến, rau quả; dự án Bauxit nhôm hoàn thành và đi vào hoạt động chậm tiến độ hơn 1 năm;

- Nhiều dự án đầu tư, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn, về thị trường tiêu thụ sản phẩm,...tác động đến giải quyết việc làm, tăng trưởng kinh tế và thu, chi ngân sách của tỉnh; công tác quản lý thu thuế, phí còn nhiều hạn chế, tình trạng nợ đọng, gian lận thuế còn nhiều nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu để khắc phục.

- Khả năng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách còn hạn hẹp, việc huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách cho hạ tầng giao thông chưa đáp ứng được yêu cầu dẫn đến tiến độ đầu tư các công trình giao thông còn chậm.

- Năng lực quản lý, lãnh đạo điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế, yếu kém; cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính chưa theo kịp yêu cầu của nhân dân và doanh nghiệp; ý thức chính trị, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao.

## **B. NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 12-KL/TW VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 31-CTr/TU TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO**

### **I. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm**

<sup>54</sup> Trung tâm Văn hóa thể thao tỉnh; dự án thủy lợi Đa Sĩ; khu du lịch hồ Đại Ninh; khu nông nghiệp công nghiệp Tân Phú; Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; các đường vành đai thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc.

<sup>55</sup> Kim ngạch xuất khẩu năm 2015 đạt 409 triệu USD (bằng 48% so với kế hoạch đề ra).

<sup>56</sup> Năm 2016: 17997 người, tăng 979 người so với năm 2011. Bình quân hàng năm gần 70 tỷ đồng.

1. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Triển khai thực hiện tốt các giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch 2017 và những năm tiếp theo đã đề ra.

2. Tập trung các nguồn lực để triển khai thực hiện 4 chương trình trọng tâm trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X<sup>57</sup>. Đôn đốc và tạo thuận lợi cho việc triển khai các công trình trọng điểm của tỉnh và các địa phương trong tỉnh theo các Nghị quyết đã đề ra.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình Phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư. Chú trọng xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

4. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1528/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

5. Thực hiện các giải pháp để thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 có hiệu quả, theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công và các quy định khác của pháp luật.

6. Tiếp tục triển khai tích cực Kế hoạch số 2950/KH-UBND, ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020; Chương trình hành động số 3671/CTr-UBND, ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 35/2016/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

## **II. Phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội**

### **1. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và nông thôn**

- Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020 nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp trên đơn vị diện tích, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường. Tổ chức thực hiện dự án xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng NTM, khuyến khích đưa khoa học công nghệ vào sản xuất; chủ động sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh xây dựng các mô hình sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa kinh tế hộ với doanh nghiệp, thị trường để đưa nông nghiệp lên sản xuất quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; triển khai đồng bộ Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025; khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng kinh tế, triển khai thực hiện Thông báo số 191/TB-VPCP, ngày 22/7/2016 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị về các giải

<sup>57</sup> “Phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội”, trọng tâm là hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị; “Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”; “Phát triển dịch vụ - du lịch chất lượng cao”, sớm hình thành một số khu du lịch lớn, đa dạng hoá đi đôi với nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ; “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao”, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, công nghệ, văn hoá, đội ngũ doanh nhân và lao động lành nghề, đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập kinh tế của địa phương.

pháp khôi phục rừng bền vững Tây nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020. Triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Tiếp tục thực hiện dịch vụ chi trả môi trường rừng theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ, góp phần ổn định và nâng cao thu nhập, đời sống người làm nghề rừng.

## **2. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp - xây dựng**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành công thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 2637/KH-UBND, ngày 20/5/2015 của UBND tỉnh. Rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm an toàn, an ninh cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các Chương trình: Chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Chương trình hỗ trợ sản phẩm công nghiệp chủ lực; Chương trình khuyến công; Kế hoạch hỗ trợ phát triển các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp gắn với du lịch và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020. Xây dựng và triển khai thực hiện đề án phát triển làng nghề trên địa bàn toàn tỉnh...

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, quan tâm hạ tầng giao thông, thủy lợi, đô thị, khoa học công nghệ, y tế, giáo dục... theo đề án đã được phê duyệt. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng và kêu gọi đầu tư vào KCN Lộc Sơn, Phú Hội và các cụm công nghiệp. Nâng cao chất lượng và quản lý chặt chẽ quy hoạch, tạo ra sự thay đổi cơ bản đối với hệ thống đô thị trong tỉnh. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường và phân bố hợp lý trên các vùng.

## **3. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ**

- Chỉ đạo ngành công thương đẩy mạnh công tác quản lý thị trường, chống kinh doanh trái phép, buôn lậu; ngăn chặn hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng trên thị trường. Tăng cường phối hợp các ngành chức năng (*Thuế, Công an...*) để kiểm tra, xử lý các đối tượng gian lận thương mại, trốn thuế nhằm chống thất thu thuế, trên nguyên tắc không chồng chéo hoặc bỏ sót địa bàn; đồng thời đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

- Cụ thể hóa, triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 16/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- Thực hiện các chương trình, hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại như tạo cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp (*nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ*) về thị trường; tổ chức hướng dẫn doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm thương mại, giới thiệu, quảng cáo hàng hoá, tìm kiếm thị trường tiêu thụ; xây dựng hệ thống thông tin thị trường để cung cấp cho các doanh nghiệp,... nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hoá xuất khẩu của tỉnh vào các thị trường trọng điểm có kim ngạch xuất khẩu lớn, thị trường mới.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động thực hiện đề án “*Phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động Người VN ưu tiên dùng hàng VN*”; tổ chức chương trình “*Đưa hàng Việt về nông thôn*”; hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện và hưởng ứng Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”; xây dựng hệ thống mạng lưới phân phối hàng Việt trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 49/2014/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới. Thực hiện Kế hoạch số 5822/KH-UBND, ngày 19/10/2012 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện “*Chiến lược tham gia các thỏa thuận thương mại tự do (FTA) đến năm 2020*”.

#### **4. Phát triển kinh tế nhiều thành phần**

##### **4.1. Phát triển doanh nghiệp**

- Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh cổ phần hóa. Tách bạch nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và dịch vụ công ích. Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện công khai, minh bạch về kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, nhất là khu vực doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa; bảo đảm cạnh tranh bình đẳng. Bổ sung giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp. Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

**4.2. Phát triển kinh tế tập thể:** Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền; rà soát điều lệ, tổ chức quản lý hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thực hiện chuyển đổi mô hình Hợp tác xã đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Hợp tác xã. Đẩy mạnh việc thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác trong các lĩnh vực, ngành nghề, đặc biệt là khu vực nông thôn.

**4.3. Phát triển tổ hợp tác và hộ kinh doanh cá thể:** Khuyến khích thành lập các tổ hợp tác (THT) hoạt động theo phương thức cùng nhau tham gia sản xuất một chủng loại sản phẩm, cùng tìm doanh nghiệp để tiêu thụ nông sản; hỗ trợ giúp nhau vay vốn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật.

#### **5. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội**

- Rà soát, điều chỉnh và triển khai đồng bộ các chính sách đối với người có công, dạy nghề, giải quyết việc làm, bảo trợ xã hội, giảm nghèo bền vững, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc, vùng ATK, các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, đời sống đối với đồng DTTS. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách lao động, an toàn lao động và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm, nhất là hành vi trốn đóng, nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; các hành vi tiêu cực,



gian lận để hưởng chế độ, trục lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg, ngày 20/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn thiện mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh, củng cố mạng lưới y tế cơ sở và y tế dự phòng; nâng cao năng lực hoạt động và chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh các tuyến; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động y tế; khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập và hình thức hợp tác công - tư, tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 93/2014/NQ-CP của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách phát triển y tế. Triển khai có hiệu quả luật Bảo hiểm Y tế. Chủ động, tích cực triển khai công tác y tế dự phòng, tăng cường kiểm soát và nâng cao năng lực phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường quản lý nhà nước về sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, cung ứng thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng; kiểm soát chặt chẽ giá thuốc chữa bệnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 44/2014/NQ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh việc thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục để bảo đảm nhu cầu học tập của các đối tượng, nhất là giáo dục mầm non. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của các bậc học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế đến năm 2020. Chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ kỳ thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tốt các hoạt động hè cho học sinh; chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, học sinh cho năm học mới 2017-2018.

- Tiếp tục củng cố và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, tăng cường đầu tư và phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao ở các cấp. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao. Xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển văn hóa gắn với phát triển du lịch và các hoạt động kinh tế. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao, bảo đảm tiết kiệm, an ninh trật tự xã hội; huy động các nguồn lực xã hội để tổ chức các lễ hội, hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách để tổ chức lễ hội.

## 6. Về thu chi ngân sách

- Tập trung kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc công tác quản lý thu thuế, chống thất thu; xử lý các khoản nợ đọng thuế; thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế để thu hồi nợ đọng và hạn chế phát sinh số nợ thuế mới; đặc biệt đối với các địa phương có nguồn thu lớn nhưng tiến độ thu đạt thấp; phấn đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách đã đề ra.

- Trong điều hành chi ngân sách phải triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, các khoản chi mua sắm trang thiết bị, xe ô tô; tiết kiệm tối đa việc sử dụng kinh phí đã phân bổ cho các nhiệm vụ chi tổ chức lễ hội, tiếp khách, hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước,... Ưu tiên chi thực hiện chính sách an sinh xã hội; đôn đốc thực hiện các chương trình mục tiêu và đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch đề ra.

## 7. Về cải cách hành chính

Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Doanh nghiệp (*sửa đổi*), Luật Đầu tư (*sửa đổi*) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực: thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội theo hướng tạo thuận lợi ở mức cao nhất cho người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính, loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết trong đầu tư, kinh doanh và các thủ tục hành chính khác để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân.

## 8. Về quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội

Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; kiên quyết đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; thực hiện quyết liệt đồng bộ nhiều giải pháp để bảo đảm an toàn giao thông, phần đầu giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả 3 mặt. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại - tố cáo; tăng cường công tác đối thoại, tiếp xúc ngay tại cơ sở; tập trung giải quyết các phát sinh vướng mắc, kiên quyết không để xảy ra điểm nóng về khiếu nại, tố cáo.

## 9. Công tác xây dựng hệ thống chính trị

- Tập trung đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, đặc biệt là ở cơ sở, nêu cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên; chú trọng xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả, nhất là ở cơ sở; thực hiện thực hiện khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã. Chú trọng đào tạo, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số ở các cơ quan trong hệ thống chính trị, đảm bảo theo cơ cấu; qua tâm đào tạo, bồi dưỡng, từng bước chuẩn hoá đội ngũ cán bộ cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các loại hình, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS; đề cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc tham gia xây dựng Đảng. Có cơ chế, chính sách phù hợp thu hút cán bộ công tác ổn định ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS. Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng ở thôn, buôn gắn với hướng dẫn nội dung sinh hoạt chi bộ. Chú trọng xây dựng thôn, buôn vững mạnh, đề cao, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản... *Thg*

### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương;
- Văn phòng Trung ương;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- Các ban Đảng Tỉnh ủy;
- Các sở, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**



**Trần Đức Quận**